

Bản án số: 37 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 6 năm 2021
V/v: “tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Dương Thị Bé N** - sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp Th Nh, xã N T L, huyện H D, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: anh **Nguyễn Văn G** – sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp A, xã Ph Th, thị xã G R, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu được xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Dương Thị Bé N trình bày theo đơn khởi kiện và lời khai:***

Về hôn nhân: chị N và anh G sống chung vợ chồng với nhau vào năm 2008, khi về sống chung vợ chồng do hai đứa tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph Th ngày 01/4/2015. Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh G có phát sinh nhiều mâu thuẫn từ việc anh G đi làm sau khi đi làm không gửi tiền về cho vợ con, sau đó chị N có gọi điện cho anh G nhiều lần để về nhưng anh G không về, từ đó mà vợ chồng ly thân đến 07 đến 08 năm.

Nay, chị N thấy rằng đã ly thân rất lâu nên không thể hàn gắn hôn nhân, chị N yêu cầu được ly hôn

Về con chung: chị N và anh G có một người con chung Nguyễn Chí V - sinh ngày 28/02/2011 con chung hiện đang sống chung với chị N Khi ly hôn chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không có yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: chị N không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày theo lời khai:

- Về hôn nhân: anh G thống nhất với chị N về thời gian sống chung vợ chồng, lý do mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Nay chị N có yêu cầu được ly hôn, anh G đồng ý ly hôn và không có nguyện vọng được hàn gắn hôn nhân.

- Về con chung: anh G thống nhất với lời trình bày của chị N là có một người con chung. Khi ly hôn anh G đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và yêu cầu không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh G không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Diễn biến tại phiên tòa thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 85 luật Hôn nhân gia đình 2014.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Bé N và anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Dương Thị Bé N và anh Nguyễn Văn G, tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Chí V - sinh ngày 28/02/2011 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

Về tài sản: do chị N và anh G không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Dương Thị Bé N có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Nguyễn Văn G. Anh G có địa chỉ tại ấp A, xã Ph Th, thị xã G R, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về tố tụng: do chị N và anh G cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh G theo quy định.

3. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: chị N và anh G thống nhất sống chung vợ chồng với nhau vào năm 2008, khi về sống chung vợ chồng do tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có

đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph Th ngày 01/4/2015. Trong thời gian sống chung vợ chồng giữa chị N và anh G phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân hơn 07 – 08 năm nay. Nay chị N có yêu cầu được ly hôn với anh G và anh G cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Bé N và anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: chị N và anh G thống nhất có 01 người con chung tên Nguyễn Chí V - sinh ngày 28/02/2011 hiện đang sống với chị N Khi ly hôn giữa chị N và anh G thống nhất tiếp tục giao con chung cho chị N được nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị N không có yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn việc cấp dưỡng nuôi chung cho anh G Anh G không trực tiếp nuôi chung nhưng anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N và anh G không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: chị N phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Xét quan điểm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về “định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Bé N và anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Dương Thị Bé N và anh Nguyễn Văn G, tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Chí V - sinh ngày 28/02/2011 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Do chị N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh G.

Anh G không trực tiếp nuôi con chung, nhưng anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản: do chị N và anh G không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: chị Dương Thị Bé N phải chịu với số tiền 300.000 đồng, chị N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001990 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai nên được chuyển sang thu án phí.

Anh G không phải nộp án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- THA dân sự thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Khởi